

## **THÔNG BÁO**

### **Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích do Sở Y tế tiếp nhận, trả kết quả**

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà, Sở Y tế xin thông báo Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích do Sở Y tế tiếp nhận, trả kết quả theo Phụ lục đính kèm.

Để việc tiếp nhận, trả kết quả được thuận lợi đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực y tế, Sở Y tế kính đề nghị như sau:

1. Đối với các TTHC thuộc danh mục được công bố trực tuyến từ mức độ 3 trở lên hoặc cho phép thanh toán trực tuyến, đề nghị quý cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí, góp phần thực hiện chủ trương đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Đối với TTHC cho phép thực hiện bưu chính công ích, đề nghị quý cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết qua bưu chính công ích (có thể tự thực hiện hoặc nhờ công chức một cửa hỗ trợ). Hồ sơ gửi qua bưu chính công ích vui lòng ghi nơi nhận “Bộ phận một cửa Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa”).

3. Về cách thức thực hiện: vui lòng truy cập trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa (<http://hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn>) để xem hướng dẫn chi tiết. Nếu có vướng mắc, xin liên hệ:

- Bộ phận một cửa Sở Y tế - Khu liên cơ 2, Số 3A Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà – Điện thoại: (0258) 3 822 987 - Email: [syт@khanhhoa.gov.vn](mailto:syt@khanhhoa.gov.vn).

- Tổng đài hỗ trợ của Trung tâm: số điện thoại 1900.1023 hoặc tương tác trực tiếp trên Cổng chính.

Sở Y tế trân trọng thông báo./.

#### **Nơi nhận:**

- Các sở, ban, ngành (VBĐT);
- Các huyện/th.xã/th.phố (VBĐT);
- Các hội, hiệp hội;
- Các cơ quan/đơn vị trực thuộc (VBĐT);
- Báo KH, Đài PTTH, Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT.VP

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Xuân Minh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO PHÉP NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN,**  
**THỰC HIỆN BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH DO SỞ Y TẾ TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ**  
*(Kèm theo Thông báo số:            /TB-SYT ngày        /9/2020 của Sở Y tế)*

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                           | Lĩnh vực            | Thực hiện<br>buư chính<br>công ích | Mức độ<br>trực<br>tuyến | Thanh<br>toán trực<br>tuyến |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1   | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố. | Đào tạo             |                                    | 2                       |                             |
| 2   | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D                                                                                                                              | Trang thiết bị y tế |                                    | 2                       |                             |
| 3   | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế                                                                                                                                                | Trang thiết bị y tế |                                    | 2                       |                             |
| 4   | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A                                                                                                                              | Trang thiết bị y tế |                                    | 2                       |                             |
| 5   | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước                                                                                                                                                        | Trang thiết bị y tế | X                                  | 4                       | X                           |
| 6   | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế                                                                                                               | Trang thiết bị y tế |                                    | 2                       |                             |
| 7   | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D                                                                                                   | Trang thiết bị y tế |                                    | 2                       |                             |
| 8   | Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.                                                                                                                                                 | Giám định y khoa    |                                    | 2                       |                             |
| 9   | Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động.                                                                                                                               | Giám định y khoa    |                                    | 2                       |                             |
| 10  | Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất.                                                                                                                                                      | Giám định y khoa    |                                    | 2                       |                             |

|    |                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---|--|
| 11 | Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động.                                                                                                                                                                                    | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 12 | Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động.                                                                                                                                                            | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 13 | Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp.                                                                                                                                                                                               | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 14 | Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát.                                                                                                                                                                                             | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 15 | Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.                                                                          | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 16 | Khám giám định tổng hợp.                                                                                                                                                                                                                  | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 17 | Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác. | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 18 | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.                                                   | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 19 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.                                                                                                   | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 20 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.                                                 | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 21 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.                                                                                                  | Giám định y khoa |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---|--|
| 22 | Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.    | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 23 | Khám GDYK lần đầu đối với Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với CDHH quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 24 | Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.                                                                                                                                               | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 25 | Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.                                                                                                                                                            | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 26 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.                                                                                                                                                            | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 27 | Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm Giám định Y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện.                                                                                                                   | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 28 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.                                                                                                                                                           | Giám định y khoa |  | 2 |  |
| 29 | Thủ tục Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II                                                                                                                                                                                           | Y tế dự phòng    |  | 2 |  |
| 30 | Thủ tục Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng                                                                                                                                                                                          | Y tế dự phòng    |  | 2 |  |
| 31 | Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng                                                                                                                                                                                                                            | Y tế dự phòng    |  | 2 |  |
| 32 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                                                                                                             | Y tế dự phòng    |  | 2 |  |
| 33 | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm                                                                                                                                                           | Y tế dự phòng    |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                                |                      |   |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---|---|--|
| 34 | Thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                    | Y tế dự phòng        |   | 2 |  |
| 35 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế bị mất giấy phép hoạt động hoặc có giấy phép hoạt động bị hư hỏng. | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 36 | Thủ tục hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị thay đổi địa điểm hoạt động, cơ sở điều trị bị thu hồi giấy phép hoạt động                            | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 37 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp                                                                                                | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 38 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp                                                                                                         | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 39 | Thủ tục Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS                                                                                                    | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 40 | Thủ tục cho phép hoạt động lại sau khi bị đình chỉ hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                       | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 41 | Thủ tục công bố phòng xét nghiệm đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm sàng lọc HIV thuộc thẩm quyền của Sở Y tế cấp                                                               | Phòng/chống HIV/AIDS |   | 2 |  |
| 42 | Thủ tục Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                            | Khám chữa bệnh       | X | 3 |  |
| 43 | Thủ tục Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                            | Khám chữa bệnh       | X | 3 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |   |   |   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 44 | Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                                                                                                              | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 45 | Thủ tục cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                         | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 46 | Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 47 | Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 48 | Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 49 | Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng                                                                                                                                                                                                                                                                          | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 50 | Thủ tục cấp lần đầu Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                          | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 51 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo qui định tại Điểm a, b Khoản 1, Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                    | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 52 | Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn khi được Bộ Y tế phân cấp (Áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động). | Khám chữa bệnh | X | 3 |   |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |   |   |   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 53 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 54 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                            | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 55 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                     | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 56 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                  | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 57 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 58 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh                                                                                                                                                                                                                                                            | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 59 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền                                                                                                                                                                                   | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 60 | Thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.                                                                                                                                                                                                                         | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 61 | Thủ tục cho phép cá nhân, đoàn trong nước, nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.                                                                                                                                                                                                                                                                   | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 62 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi theo qui định tại Điểm c,d,e và g, Khoản 1, Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.14. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi theo qui định tại Điểm c,d,e và g, Khoản 1, Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh. | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 63 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                                                                                                                            | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                   |                |   |   |   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 64 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp                                                                                                                                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 65 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả                                                                                                                                                                                | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 66 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà                                                                                                                                                                   | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 67 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc                                                                                                                                                                                  | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 68 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã                                                                                                                                                                                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 69 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập. | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 70 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền                                                                                                                                                                            | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 71 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền                                                                                                                                                                                                  | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 72 | Thủ tục đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                              | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 73 | Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                       | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 74 | Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                                                                                                                               | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 75 | Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                                                                                                                                               | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 76 | Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm                                                                                                                                               | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |

|    |                                                                                                                                                                  |                |   |   |   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 77 | Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng                                                                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 78 | Thủ tục cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế           | Khám chữa bệnh | X | 3 |   |
| 79 | Cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                            | Khám chữa bệnh | X | 3 |   |
| 80 | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                            | Khám chữa bệnh | X | 3 |   |
| 81 | Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                  | Khám chữa bệnh | X | 3 |   |
| 82 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                    | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 83 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 84 | Thủ tục Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế              | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 85 | Thủ tục Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế   | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 86 | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 87 | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                                | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |

|    |                                                                                                                                   |                |   |   |   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|---|
| 88 | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 89 | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 90 | Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                   | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 91 | Thủ tục Đề nghị thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế            | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 92 | Thủ tục Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế          | Khám chữa bệnh | X | 4 | X |
| 93 | Thủ tục Đề nghị thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 94 | Thủ tục đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.                           | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 95 | Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế                                        | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 96 | Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                      | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 97 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế             | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |
| 98 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                | Khám chữa bệnh |   | 2 |   |

|     |                                                                                                                                             |                |   |   |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|---|--|
| 99  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                   | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 100 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                        | Khám chữa bệnh | X | 3 |  |
| 101 | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc                                                                             | Khám chữa bệnh | X | 3 |  |
| 102 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                     | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 103 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                    | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 104 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                 | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 105 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp     | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 106 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả                                                    | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 107 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà                                       | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 108 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc                                                      | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 109 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh                           | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 110 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã                                                     | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |
| 111 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | Khám chữa bệnh |   | 2 |  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |  |   |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|---|--|
| 112 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh                                                                                                         | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 113 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền                                                             | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 114 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.                                                           | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 115 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 116 | Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                  | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 117 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo                                                       | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 118 | Thủ tục công nhận cơ sở đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                                                                                                       | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 119 | Thủ tục Công bố cơ sở đủ Điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ                                                                                                                                                                                          | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 120 | Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage)                                                                                                                                                                                | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |
| 121 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                          | Khám chữa bệnh |  | 2 |  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                       |                            |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---|---|---|
| 122 | Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                                                                                       | Khám chữa bệnh             |   | 2 |   |
| 123 | Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội hoạt động trong lĩnh vực y tế                                                                                                                                                            | Hội, tổ chức phi chính phủ |   | 2 |   |
| 124 | Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ                                                            | Khám chữa bệnh             |   | 2 |   |
| 125 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                                                                                                                  | Khám chữa bệnh             |   | 2 |   |
| 126 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                      | Dược                       | X | 4 | X |
| 127 | Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước.                                                                                                                                                                  | Mỹ phẩm                    | X | 3 | X |
| 128 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.                                                                                                                                                                                    | Mỹ phẩm                    | X | 4 | X |
| 129 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.                                                                                                                                                                                | Mỹ phẩm                    | X | 3 |   |
| 130 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ | Dược                       | X | 3 |   |
| 131 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp CCHND bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp CCHND.                                                                                                                 | Dược                       | X | 3 |   |
| 132 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)                                                                                                                                         | Dược                       | X | 3 |   |
| 133 | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ.                                                                                                                                                                | Dược                       | X | 4 | X |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |   |   |   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|---|---|
| 134 | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)                                                                  | Dược | X | 4 | X |
| 135 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | Dược | X | 4 | X |
| 136 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)                                                                                                                                                        | Dược | X | 3 |   |
| 137 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)                                                                                                                                                     | Dược | X | 3 |   |
| 138 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dược | X | 3 |   |
| 139 | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế.                                                                                                                                                                                                                                        | Dược | X | 3 |   |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---|---|---|
| 140 | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.                                                                                                                                                             | Dược    | X | 3 |   |
| 141 | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt. | Dược    | X | 3 |   |
| 142 | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh.                                                                                        | Dược    | X | 3 |   |
| 143 | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc.                                                                                                                                                                                                              | Dược    | X | 4 | X |
| 144 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước.                                                                                                                                                                                                                                                        | Dược    |   | 2 |   |
| 145 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.                                                                                                                                                                                                                                        | Dược    | X | 4 | X |
| 146 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.                                                                                                                                                                                                              | Dược    | X | 4 | X |
| 147 | Thủ tục đăng ký nhận thuốc phi mậu dịch                                                                                                                                                                                                                                                           | Dược    |   | 2 |   |
| 148 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm                                                                                                                                                                                                                                                      | Mỹ phẩm | X | 3 |   |
| 149 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                     | Mỹ phẩm | X | 3 | X |
| 150 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng                                                                                                                                                                                                          | Mỹ phẩm | X | 3 |   |
| 151 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm                                                                                                                                                                                                                                          | Mỹ phẩm | X | 3 |   |
| 152 | Thủ tục Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược                                                                                                                                                        | Dược    | X | 4 | X |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---|---|---|
| 153 | Thủ tục Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược                                                                                                                                                                                                                                              | Dược    | X | 3 |   |
| 154 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dược    | X | 3 |   |
| 155 | Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dược    | X | 4 | X |
| 156 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại điểm c và d Khoản 1 Điều 11 TT 02/2018/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                          | Dược    | X | 3 |   |
| 157 | Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại                                                                                                                                                                                                                                                           | Dược    | X | 4 | X |
| 158 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Dược    | X | 4 | X |
| 159 | Đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại                                                                                                                                                                                                                | Dược    | X | 4 | X |
| 160 | Đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại | Dược    | X | 3 |   |
| 161 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo                                                                                                                                                                                                                           | Mỹ phẩm | X | 3 |   |
| 162 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                             | Dược    | X | 3 |   |

|     |                                                                                                                                                                                        |                                         |   |   |   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---|---|---|
| 163 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất                  | Dược                                    | X | 3 |   |
| 164 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi                   | An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng | X | 3 |   |
| 165 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                 | An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng | X | 4 | X |
| 166 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                | An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng | X | 4 | X |
| 167 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi         | An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng |   | 2 |   |
| 168 | Thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng |   | 2 |   |
| 169 | Cấp Giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                                                           | Dân số                                  | X | 3 |   |
| 170 | Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                                                                                                                         | Dân số                                  | X | 3 |   |
| 171 | Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh                                                                                                    | Dân số                                  | X | 3 |   |